

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 17/10/2018

V/v: “ ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Mỹ và ông Nguyễn Thái Bảo.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở cũ phố P, thị trấn P, huyện K; Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử lưu động công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về “ Ly hôn & tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn G, sinh năm 1983; Cư trú tại: xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.
- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; ĐKKH tại: xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện trú tại: tổ 13, khu phố 06, đường C, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm 7C, xã C, huyện K; vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau đó thì mới phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên anh G và chị H sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay.

Về phía nguyên đơn: Anh G cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được 2 bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Mâu thuẫn âm ỉ kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Khoảng giữa năm 2015 đến nay anh và chị H sống ly thân không còn quan

tâm đến nhau nữa. Nay anh xét thấy thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định anh và chị H có 02 con chung là: Phạm Trường S, sinh ngày 27-04-2009; Phạm Gia B, sinh ngày 26-11-2012; hiện đang do chị H nuôi dưỡng; ban đầu anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. tại phiên hòa giải ngày 27/7/2018 anh thay đổi quan điểm đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 01 triệu đồng/ tháng cho mỗi cháu, đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Anh xác định tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Chị Phạm Thị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh chị bất đồng quan điểm lối sống, ngoài ra anh G có mối quan hệ không lành mạnh với người khác rồi không quan tâm gì tới gia đình vợ con. Chị đã góp ý khuyên giải nhiều lần và tạo cơ hội cho anh G thay đổi rất nhiều năm để mong anh G suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái chăm lo hạnh phúc gia đình nhưng anh G vẫn không thay đổi mà còn cố tình xa cách không liên lạc với vợ con từ năm 2015 đến nay. Mặc dù anh G không thay đổi nhưng chị vẫn mong muốn Tòa án hòa giải để anh G thay đổi suy nghĩ lại về cách sống, tình cảm vợ chồng trách nhiệm với con cái và gia đình để vợ chồng có tiếng nói chung, mong vợ chồng được đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, chị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh G đã trình bày. Trường hợp nếu phải ly hôn chị mong muốn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị 1.000.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu.

Về tài sản: Chị xác định có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết nhưng không thực hiện nghĩa vụ của người có yêu cầu phản tố khi được hướng dẫn theo quy định của BLTTDS.

Con chung của hai anh chị là Phạm Trường S, sinh ngày 27-04-2009; đang ở cùng chị H tổ 13, khu phố 06, đường C, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, thuộc trường hợp quy định của luật HNGĐ phải lấy lời khai để xem xét nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn; TAND huyện K đã ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện P, tỉnh Kiên Giang lấy lời khai của cháu Phạm Trường S nhưng không có kết quả.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H. Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả

hai con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 27-04-2009; Phạm Gia B, sinh ngày 26-11-2012. Buộc anh G có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 1.000.000^d /cháu/ tháng cho đến khi thành niên. Về án phí : Anh G phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn G khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Phạm Thị H cư trú tại xóm 8, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; sau khi thụ lý vụ án trong quá trình giải quyết chị H thay đổi nơi cư trú vào tạm trú tại tổ 13, khu phố 06, đường C, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh chị bất đồng quan điểm lối sống, ngoài ra anh G có mối quan hệ không lành mạnh với người khác rồi không quan tâm gì tới gia đình vợ con. Anh G thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống. Tuy nhiên cả hai bên đều xác định mâu thuẫn đã được hai bên khắc phục và được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả dẫn đến hai bên sống ly thân từ 2015.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh G tại UBND xã C là nơi anh chị thường trú thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên hai anh chị sống ly thân mỗi người một nơi còn việc chị H nghi ngờ anh G có quan hệ bất chính với người khác là không có.

Mặt khác chị H có quan điểm mong muốn duy trì cuộc sống chung nhưng trong quá trình giải quyết mặc dù đã được Tòa án phân tích, động viên, xác định nguyên nhân và đề xuất hướng giải quyết mâu thuẫn cho cả hai anh chị; nhưng chị H không hề có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, không thực hiện các biện pháp được tư vấn mà còn đưa cả hai con chung vào sinh sống tại huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Như vậy từ những căn cứ và phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh G và chị H xảy ra từ lâu và đã được các đương sự cũng như hai bên gia đình khuyên giải nhưng không giải quyết được, dẫn đến việc chị H và anh G đã không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa nên đã sống ly thân từ 2015; đã đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh G và chị H hiện nay đã trầm trọng không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn

nhân gia đình, yêu cầu của anh G giải quyết ly hôn chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con: Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 27-04-2009 và Phạm Gia B, sinh ngày 26-11-2012; do hai cháu đang ở cùng chị H tại huyện P, tỉnh Kiên Giang, TAND huyện K đã ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND huyện P lấy lời khai của con chung Phạm Trường S nhưng không có kết quả. Căn cứ thực tế hiện tại hai cháu đang ở cùng chị H và anh G nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung do đó nguyện vọng được nuôi cả hai con chung của chị H là phù hợp căn cứ quy định tại Điều 81 luật HNGĐ được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh G phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng cùng chị 1.000.000^d/tháng/ cháu; mức cấp dưỡng của chị H được anh G chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 81 luật HNGĐ về trách nhiệm cấp dưỡng với con chung của cha mẹ sau khi ly hôn và thực tế thu nhập của cả hai bên, cần buộc anh G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị H và mức cấp dưỡng hàng tháng như chị H đề xuất là phù hợp được chấp nhận buộc anh G phải thực hiện.

[5] Về tài sản: Anh G không yêu cầu giải quyết, chị H có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nhưng không thực hiện nghĩa vụ của người phản tố theo quy định của BLTTDS nên yêu cầu của chị không được Hội đồng xét xử xem xét việc giải quyết về tài sản chung của hai bên; chị H có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh G phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H.

2/ Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 27-04-2009 và Phạm Gia B, sinh ngày 26-11-2012 đến khi thành niên.

Anh G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.000.000^d/tháng/cháu. Cụ thể cháu Phạm Trường S 1.000.000^d/tháng kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi thành niên; cháu Phạm Gia B 1.000.000^d/tháng kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi con thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

3/ Anh Phạm Văn G phải nộp 300.000^d án phí ly hôn và 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2876 ngày 17 /07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, anh G còn phải nộp tiếp 300.000^d.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh